

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2026/DS-ST

Ngày 04-9-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tùng và bà Dương Tuyết Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Thân Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Huy A, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn L (nay là thôn V), xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phùng Thị B, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T (nay là thôn S), xã N, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn L (nay là thôn V), xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Đặng Huy A, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn L (nay là thôn V), xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Ông Tống Văn D, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn T (nay là thôn S), xã N, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Huy A trình bày:

Ông và bà Phùng Thị B có quan hệ làm ăn, buôn bán cám chăn nuôi. Ngày 01/4/2012 âm lịch, bà B vay vàng 9999 của ông để làm vốn kinh doanh. Giấy vay vàng do bà B viết và ký ghi “02 cây vàng 9999 (nhãn hiệu Văn Cừ)”; theo ông A, “cây vàng” tức “lượng vàng” theo cách gọi tại địa phương. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 01/7/2012 âm lịch, không thỏa thuận lãi. Ông đã giao đủ vàng nhưng đến hạn bà B không trả mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu.

Số vàng cho vay là tài sản chung của ông và vợ là bà Nguyễn Thị C. Ban đầu ông yêu cầu bà B và ông Tống Văn D cùng trả nợ; sau đó ông thay đổi yêu cầu khởi kiện vì ông D không trực tiếp tham gia giao dịch. Ông chỉ yêu cầu bà B trả cho vợ chồng ông 02 cây vàng (tức 02 lượng vàng) 9999, không xác định và không yêu cầu phải trả vàng của nhãn hiệu cụ thể; không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, ông A xác định ngày lập Giấy vay vàng là ngày 01/4/2012 (tháng 4 nhuận) âm lịch, tương ứng ngày 21/5/2012 dương lịch; ngày đến hạn trả nợ là ngày 01/7/2012 âm lịch, tương ứng ngày 17/8/2012 dương lịch.

Bị đơn bà Phùng Thị B trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2026: Bà thừa nhận ngày 01/4/2012 âm lịch có vay của ông A 02 cây vàng 9999 để làm ăn; Giấy vay vàng và chữ ký, chữ viết “Phùng Thị B” là do bà viết, ký; bà đã nhận đủ vàng, thời hạn trả là ngày 01/7/2012 âm lịch và đến nay chưa trả. Bà khai hai bên còn thỏa thuận miệng mức lãi từ 2% đến 2,5%/tháng và bà đã trả một phần lãi bằng tiền hoặc đối trừ tiền cám nhưng không nhớ cụ thể, không có tài liệu chứng minh. Bà đồng ý trả 02 cây vàng và xin được trả dần do hoàn cảnh khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C do ông Đặng Huy A đại diện theo ủy quyền thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Văn D trình bày: Ông không biết, không liên quan đến việc vay vàng giữa ông A và bà B; không đồng ý cùng bà B trả 02 cây vàng cho ông A; từ chối tham gia tố tụng và xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn

Thị C đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn bà Phùng Thị B, ông Tống Văn D chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Huy A; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bà Phùng Thị B trả cho ông Đặng Huy A và bà Nguyễn Thị C 02 lượng vàng 9999; nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét; bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Huy A khởi kiện yêu cầu bà Phùng Thị B trả tài sản vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã N, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh theo Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Đặng Huy A và ông Tống Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Phùng Thị B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ban đầu, ông A yêu cầu bà B và ông D cùng trả 02 lượng vàng 9999. Quá trình giải quyết vụ án, ông xác định chỉ bà B vay, ông D không tham gia giao dịch, không ký Giấy vay vàng nên chỉ yêu cầu bà B trả 02 cây vàng (tức 02 lượng vàng) 9999. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử chỉ xem xét nghĩa vụ trả nợ của bà B.

[3] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch vay vàng được xác lập và đến hạn thanh toán trong năm 2012, trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Vì vậy, căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng vay.

[4] Về ngày lập giấy vay: Ông A trình bày Giấy vay vàng được lập ngày 01/4/2012 âm lịch, tương ứng ngày 21/5/2012 dương lịch. Bà B cũng thừa nhận giấy vay được lập ngày 01/4/2012 âm lịch. Lời trình bày của ông A phù hợp với nội dung Giấy vay vàng và phù hợp với kết quả đối chiếu lịch vạn niên năm

2012 nên có căn cứ xác định ngày lập Giấy vay vàng là ngày 01/4/2012 âm lịch, tương ứng ngày 21/5/2012 dương lịch.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Giấy vay vàng thể hiện bà B vay ông A “02 cây vàng 9999 (nhãn hiệu Văn Cừ)”, hạn trả ngày 01/7/2012 âm lịch, tương ứng ngày 17/8/2012 dương lịch. Bà B thừa nhận giấy vay, chữ viết, chữ ký là của bà, đã nhận đủ vàng và chưa trả. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có đủ căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông A và bà B được giao kết tự nguyện, có hiệu lực; bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

Theo lời khai của ông A và cách gọi tại địa phương, 01 cây vàng là 01 lượng vàng; do đó, “02 cây vàng” ghi trong Giấy vay vàng là 02 lượng vàng. Giấy vay có ghi “Văn Cừ”, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông A chỉ yêu cầu bà B trả 02 cây vàng, không xác định và không yêu cầu phải trả vàng đúng nhãn hiệu Văn Cừ. Ký hiệu “9999” thể hiện chất lượng vàng. Theo khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, bên vay vật phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Vì vậy, có căn cứ buộc bà B trả cho ông A và bà C 02 lượng vàng 9999, không xác định nhãn hiệu.

[6] Bà B khai có thỏa thuận lãi từ 2% đến 2,5%/tháng và đã trả lãi nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; ông A không thừa nhận. Do bà B không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có căn cứ xác định các bên có thỏa thuận lãi hoặc bà B đã trả một phần nghĩa vụ. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về lãi chậm thi hành án: Nghĩa vụ được tuyên trong bản án là nghĩa vụ trả tài sản cùng loại bằng vàng, không phải nghĩa vụ trả tiền. Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ quy định trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; các bên không có thỏa thuận về lãi và nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Vì vậy, không có căn cứ tuyên lãi chậm thi hành án đối với nghĩa vụ trả vàng.

[8] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị 02 lượng vàng. Theo kết quả xác minh tại Doanh nghiệp tư nhân Vàng bạc Văn Cừ, ngày 04/9/2026 giá 01 lượng vàng 9999 là 139.500.000 đồng, nên 02 lượng vàng trị giá 279.000.000 đồng. Án phí bà B phải chịu là 13.950.000 đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phùng Thị B phải trả cho ông Đặng Huy A và bà Nguyễn Thị C 02 (hai) lượng vàng 9999.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phùng Thị B phải chịu 13.950.000 đồng (mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36 và 72 của Luật này; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh;
- THADS khu vực 3 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Hương